

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 304/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Được**.

2. Ông **Ngô Văn Mừng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang: Tham gia phiên tòa bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân Giang đình thụ lý số 529/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 575/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị M**, sinh năm 1982; (có mặt).

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn P**, Văn phòng luật sư **Nguyễn Văn P** thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thái B**, sinh năm 1979, (vắng mặt).

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Cơ sở giáo dục C thuộc ấp A1, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Ngọc M, Văn phòng luật sư Hứa Hoàng C thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày: Chị và anh B cưới vào năm 2003, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối. anh chị sống hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, đánh đập chị nhiều lần. Anh chị không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với Anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/04/2004 và Nguyễn Thái T, sinh ngày 02/11/2011. Hiện cháu A và cháu T đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung:

+ Diện tích đất 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSDĐ/LH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B.

+ Diện tích đất 500m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất số CH02777 ngày 24/01/2014 mang tên Nguyễn Thái B, Võ Thị M tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, trên phần đất có trồng 70 cây xoài.

Khi ly hôn chị M Yêu cầu được nhận diện tích đất 10.000 m² tọa lạc xã V, huyện T để được nuôi con, yêu cầu chia đôi số tài sản diện tích đất 500 m² trên phần đất có trồng 70 cây xoài. Tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Về nợ chung: Chị M xác định không có.

- Tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 11 năm 2017 bị đơn anh Nguyễn Thái B trình bày: Anh Thống nhất theo lời trình bày của chị M về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn cũng như lý do dẫn đến ly hôn. Nay chị M yêu cầu ly hôn, Anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/04/2004 và Nguyễn Thái T, sinh ngày 02/11/2011, cháu A và cháu T đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái T. Đối với Nguyễn Thái A thì xem nguyện vọng cháu sống với ai thì tôn trọng theo nguyện vọng của con. Đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung:

+ Diện tích đất 11.027m² Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSĐĐ/IH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B.

+ Diện tích đất 500m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất số CH02777 ngày 24/01/2014 mang tên Nguyễn Thái B, Võ Thị M tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, trên phần đất có trồng 70 cây xoài.

Khi ly hôn anh đồng ý chia diện tích 500m² đất vườn tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang và 70 cây xoài trồng trên đất.

Anh không đồng ý chia diện tích đất 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSĐĐ/IH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B, Anh cho rằng đây là tài sản riêng của cá nhân của anh, anh không đồng ý chia.

Về nợ chung: Không có.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P trình bày: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa ông có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Chị M và anh B cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối. Anh chị sống hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, đánh đập chị nhiều lần. Chị M yêu cầu ly hôn với Anh B, Anh B đồng ý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với anh B.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/04/2004 và Nguyễn Thái T, sinh ngày 02/11/2011. Hiện các cháu đang sống chung với chị M. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật con cho 02 cháu cho đến khi trưởng thành.

+ Về tài sản chung:

Diện tích 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSĐĐ/IH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B.

Diện tích đất 500m² đất vườn tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh B, chị M cùng đứng tên, trên phần đất có trồng 70 cây xoài.

Khi ly hôn chị M rút lại phần diện tích 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSDĐ/IH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B.

Yêu cầu chia tài sản chung diện tích đất 500m² đất vườn tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh A Giang. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh B, chị M cùng đứng tên, trên phần đất có trồng 70 cây xoài. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị M.

Về nợ chung: Không có.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên bị đơn: Luật sư Phan Ngọc M trình bày: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa ông có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Chị M và Anh B cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình sống chung do Anh B và chị M có mâu thuẫn, Chị M yêu cầu ly hôn với Anh B, Anh B đồng ý. Hiện nay Anh B đang chấp hành Quyết định của Tòa án nhân dân huyện C tại cơ sở giáo dục bắt buộc C thuộc ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với Anh B.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/04/2004 và Nguyễn Thái T, sinh ngày 02/11/2011. Hiện các cháu đang sống chung với chị M. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M, Anh B cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi 02 cháu cho đến khi trưởng thành.

+ Về tài sản chung:

Diện tích đất 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSDĐ/IH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B.

+ Diện tích đất 500m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất số CH02777 ngày 24/01/2014 mang tên Nguyễn Thái B, Võ Thị M tọa lạc tại ấp A Lương, xã Hòa B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, trên phần đất có trồng 70 cây xoài.

Khi ly hôn Anh B cũng đồng ý chia diện tích 500m² đất vườn tọa lạc tại ấp, xã H, huyện C, tỉnh An Giang và 70 cây xoài trồng trên đất.

Anh B không đồng ý chia diện tích đất 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số

01236/QSDĐ/IH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B, Anh B cho rằng đây là tài sản riêng của cá nhân Anh, Anh không đồng ý chia.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham Giang tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Chị Võ Thị M và Anh Nguyễn Thái B kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 06/5/2003, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị M trình bày: Vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2016 đến nay, nguyên nhân do Anh B thường xuyên rượu chè, đánh chị M và không quaA tâm Giang đình. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị M yêu cầu ly hôn, Anh B đồng ý nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Giang đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với Anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái T, sinh ngày 02/11/2011 và Nguyễn Thái A, sinh ngày 20/04/2004. Hiện, cháu T, cháu A đang sống với chị M, yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi 02 cháu theo quy định. Anh B đồng ý để chị M nuôi dưỡng cháu T, đối với cháu A thì theo nguyện vọng của cháu, đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu A, cháu T sống với chị M vẫn phát triển B thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu A, cháu T đều có nguyện vọng sống với chị M nghĩ nên tiếp tục Giango 02 cháu cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung:

+ Anh B, chị M thống nhất các tài sản chung của vợ chồng được chia theo Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và Giang đình, cụ thể: Diện tích đất 500m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất số CH02777 ngày 24/01/2014 cho anh B, chị M, trên đất có 70 cây xoài trên 04 năm tuổi. Theo biên bản định giá ngày 28/3/2018:

+ 70 cây xoài x 400.000 đồng/cây = 28.000.000 đồng.

+ 500m² x 240.000 đồng/m² = 120.000.000 đồng.

Tổng cộng 148.000.000 đồng, đất hiện do phía Anh B quản lý sử dụng nên Anh B có nghĩa vụ hoàn giá trị được chia cho chị M 74.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị M rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng

đất số 01236/QSDĐ/IH ngày 04/10/2000 cho Anh B. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần đình chỉ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị M khởi kiện Anh B cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị M và Anh B sống chung với nhau vào năm vào năm 2003, Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối. Anh chị sống hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do Anh B thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, đánh đập chị nhiều lần. Anh chị không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị M yêu cầu ly hôn với Anh B, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với Anh B. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/04/2004 và Nguyễn Thái T, sinh ngày 02/11/2011. Hiện cháu A và cháu T đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Trong quá trình làm việc, tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến thì các cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị M. Tuy nhiên, việc Giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu A, cháu T sống ổn định với chị M vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Anh B cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử Giao cháu A, cháu T cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định Giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên Tòa, chị M yêu cầu Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A, cháu T mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi 02 cháu thành niên. Tuy nhiên, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu và chi phí cần thiết cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho trẻ cùng lứa tuổi với cháu A, cháu T, Hội đồng xét xử buộc Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5]. *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa chị M rút lại yêu cầu chia tài sản diện tích đất 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSDĐ/IH ngày 04/10/2000 cho Anh B. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử nghĩ nên đình chỉ yêu cầu này.

Yêu cầu chia diện tích đất 500m² và 70 cây xoài có trên đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Số tài sản được chia như sau:

Diện tích đất 500 m² có giá 240.000 đồng/m² chị M được hưởng 250 m² x 240.000 đồng = 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng)

70 cây xoài có giá 400.000/01cây chị M được hưởng 35 cây x 400.000 đồng = 14.000.000 đồng. Anh B có nghĩa vụ hoàn lại cho chị M số tiền chia tài sản chung là 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

[6]. *Về chi phí tố tụng*: Chị Võ Thị M đã nộp tạm ứng số tiền chi phí định giá, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và chi phí bản vẽ khu đất tranh chấp 500 m² tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang là 718.300 đồng (bảy trăm mười tám ngàn ba trăm đồng). Tổng cộng là 1.718.300 đồng. Mỗi người phải chịu ½ trên số tiền 1.718.300 đồng (một triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm đồng). Anh B có nghĩa vụ hoàn lại cho chị M số tiền 859.150 đồng (tám trăm năm mươi chín ngàn một trăm năm mươi đồng)

- Bà Võ Thị M phải chịu chi phí tố tụng tại huyện T bao gồm chi phí bồi dưỡng hội đồng định giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng). Tổng cộng 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm ngàn đồng). Chi phí này chị M đã tạm ứng nộp xong, chị không phải nộp thêm.

[7]. *Về nợ chung*: Không có.

[8]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Anh B, chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 27, 33, 37, 43, khoản 1 Điều 53, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị M với anh Nguyễn Thái B

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 06/05/2003 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị M được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/04/2004 và Nguyễn Thái T, sinh ngày 02/11/2011. Anh Nguyễn Thái B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu 750.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Chị Võ Thị M cùng các thành viên Giang đình (nếu có) không được cản Anh Nguyễn Thái B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan A có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị M đối với diện tích đất 500 m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất số CH02777 ngày 24/01/2014 cho anh Nguyễn Thái B, chị Võ Thị M, trên đất có trồng 70 cây xoài, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Thái B có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Võ Thị M số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng) là số tiền chia tài sản chung của vợ chồng.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Võ Thị M đối với diện tích đất 11.027m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số CH02569 ngày 04/11/2011 mang tên Nguyễn Thái B và diện tích đất 14.876m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất số 01236/QSDĐ/IH ngày 04/10/2000 mang tên Nguyễn Thái B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Không có.

- Về chi phí tố tụng: Chị Võ Thị M đã nộp tạm ứng số tiền chi phí định giá, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và chi phí bản vẽ khu đất tr. Anh chấp 500 m² tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang là 718.300

đồng (bảy trăm mười tám ngàn ba trăm đồng). Tổng cộng là 1.718.300 đồng. Mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ trên số tiền 1.718.300 đồng (một triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm đồng). Anh B có nghĩa vụ hoàn lại cho chị M số tiền 859.150 đồng (tám trăm năm mươi chín ngàn một trăm năm mươi đồng)

- Chị Võ Thị M phải chịu chi phí tố tụng tại huyện Tbanò gồm chi phí bồi dưỡng hội đồng định giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng). Tổng cộng 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm ngàn đồng). Chi phí này chị M đã tạm ứng nộp xong, chị không phải nộp thêm.

Về án phí:

Chị Võ Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000 (mười triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014456 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị M được nhận lại số tiền 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm ngàn đồng)

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn